

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD
SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY CP CAO SU TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1152/CSTN-TCKT

Tây Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh
- Mã chứng khoán: TRC
- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: (0276) 385 3606 – 385 3232
- Fax: (0276) 385 3608
- Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Thị Bông
- Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết số 1150/NQHĐQT-CSTN ngày 10/11/2021 của Hội đồng quản trị về việc thông qua thỏa thuận chính thức kế hoạch tài chính SXKD năm 2021 của Công ty CPCS Tây Ninh.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty theo địa chỉ: <http://www.taniruco.com>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Sở giao dịch Chứng khoán;
- Ủy Ban Chứng khoán NN;
- Lưu: VT, TCKT.

Người đại diện theo pháp luật



Lê Văn Chành

Số: 1150/NQHĐQT-CSTN

Tây Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc thông qua thỏa thuận chính thức Kế hoạch tài chính SXKD năm 2021
của Công ty CPCS Tây Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Căn cứ Điều lệ Công ty CPCS Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 3022/CSVN-TCKT ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tập đoàn CNCS Việt Nam về việc thỏa thuận chính thức Kế hoạch tài chính SXKD năm 2021 của Công ty CPCS Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty CPCS Tây Ninh ngày 08 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất thông qua thỏa thuận chính thức Kế hoạch tài chính SXKD năm 2021 của Công ty CPCS Tây Ninh, các số liệu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
A	CÁC CHỈ TIÊU VỀ SXKD		
I	Sản lượng		
1	Diện tích cao su khai thác	Ha	3.758,52
2	Năng suất	Tấn/ha	1,89
3	Sản lượng cao su		
3.1	Tồn kho đầu kỳ	Tấn	1.021
3.2	Sản xuất nhập kho trong kỳ	Tấn	7.600
3.3	Tiêu thụ trong kỳ	Tấn	7.480
3.4	Tồn kho cuối kỳ	Tấn	1.141
II	Khối lượng XDCB tự làm		
1	Trồng mới cao su		
1.1	Diện tích	Ha	296
1.2	Giá trị	1.000đ	8.103.913
2	Chăm sóc cao su KTCB		

2.1	Diện tích	Ha	2.925
2.2	Giá trị	1.000đ	13.079.152
III	Tài chính hoạt động kinh doanh		
1	Giá thành		
1.1	Giá thành SP cao su tồn kho đầu kỳ	Đồng/tấn	27.591.825
1.2	Giá thành SP cao su nhập kho đầu kỳ	Đồng/tấn	27.089.041
1.3	Giá thành tại kho bình quân	Đồng/tấn	28.745.143
1.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng/tấn	2.531.702
1.5	Chi phí bán hàng	Đồng/tấn	340.896
1.6	Giá thành tiêu thụ CS bình quân	Đồng/tấn	31.559.357
1.7	Tổng giá thành tiêu thụ cao su	1.000đ	236.064.000
	Tổng giá thành cao su khai thác	1.000đ	218.400.000
	Tổng giá thành cao su thu mua	1.000đ	17.664.000
2	Giá bán cao su bình quân	Đồng/tấn	37.000.000
3	Tổng doanh thu	1.000đ	331.302.000
3.1	Doanh thu thuần	1.000đ	289.260.000
a	Doanh thu tiêu thụ cao su khai thác	1.000đ	258.779.407
b	Doanh thu tiêu thụ cao su thu mua	1.000đ	17.980.594
c	Doanh thu hoạt động KD khác	1.000đ	12.500.000
3.2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	3.510.000
3.3	Doanh thu khác	1.000đ	38.532.000
4	Tổng chi phí	1.000đ	254.652.335
4.1	Tổng chi phí SXKD	1.000đ	248.464.000
a	Tổng giá thành tiêu thụ cao su	1.000đ	236.064.000
b	Tổng giá thành SXKD khác	1.000đ	12.400.000
4.2	Chi phí hoạt động tài chính	1.000đ	50.000
4.3	Chi phí khác	1.000đ	6.138.335
5	Lãi phát sinh		
5.1	Lãi phát sinh trước thuế	1.000đ	76.649.666

5.2	Lãi phát sinh sau thuế	1.000đ	63.814.933
IV	Phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận thực hiện	1.000đ	76.649.666
	Lợi nhuận để lại năm trước	1.000đ	859.751
	Lợi nhuận phân phối	1.000đ	77.509.417
2	Bù lỗ các năm trước (nếu có)	1.000đ	
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000đ	12.834.733
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	1.000đ	64.674.684
a	Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.000đ	12.293.089
b	Trích Quỹ thưởng NQL	1.000đ	300.900
c	Trích Quỹ khen thưởng	1.000đ	22.955.695
d	Trích Quỹ phúc lợi	1.000đ	
e	Lợi nhuận còn lại	1.000đ	29.125.001
	Trong đó chia cổ tức tối thiểu 10%/VĐL	1.000đ	29.124.999
	Lợi nhuận phân phối chính thức căn cứ hiệu quả SXKD 2021 và thỏa thuận của Tập đoàn		
V	Trích khấu hao tài sản cố định	1.000đ	19.800.924
VI	Thuế và các khoản nộp NSNN (từ hoạt động kinh doanh nội địa)		
1	Thuế GTGT		
a	Thừa (-), thiếu (+) kỳ trước chuyển sang	1.000đ	826.226
b	Phát sinh phải nộp kỳ này	1.000đ	5.743.691
c	Số đã nộp trong kỳ	1.000đ	5.769.917
d	Số còn phải nộp kỳ này	1.000đ	800.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
a	Thừa (-), thiếu (+) kỳ trước chuyển sang	1.000đ	9.237.333
b	Phát sinh phải nộp kỳ này	1.000đ	12.834.733
c	Số đã nộp trong kỳ	1.000đ	18.872.066
d	Số còn phải nộp kỳ này	1.000đ	3.200.000
3	Các khoản thuế, phí phải nộp khác		
a	Thừa (-), thiếu (+) kỳ trước chuyển sang	1.000đ	26.078

b	Phát sinh phải nộp kỳ này	1.000đ	32.804.919
c	Số đã nộp trong kỳ	1.000đ	32.755.626
d	Số còn phải nộp kỳ này	1.000đ	75.371
B	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu	1.000đ	1.481.015.855
a	Vốn đầu tư của CSH (Vốn điều lệ)	1.000đ	300.000.000
b	Quỹ đầu tư phát triển	1.000đ	1.181.015.855
2	Vốn CSH bình quân	1.000đ	1.478.686.347
3	Tỷ suất LNST/ Vốn CSH bình quân	%	4,32

Điều 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Trên đây là toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, TK.HĐQT.



Phạm Thanh Hòa